

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Bảo hiểm

(Ban hành theo Quyết định số: 752 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 24 tháng 4 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

Tên ngành đào tạo	: Bảo hiểm
Mã ngành	: 52340202
Hình thức đào tạo	: Chính qui tập trung
Trình độ đào tạo	: Đại học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Bảo hiểm, có đủ kiến thức và phẩm chất đạo đức tốt; có đầy đủ các kỹ năng để đáp ứng được nhu cầu công việc trong các tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm, các cơ quan thuộc hệ thống bảo hiểm xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

Kiến thức giáo dục đại cương: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đồng thời, cũng trang bị các kiến thức về pháp luật, toán học, tin học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học.

Kiến thức cơ sở ngành và ngành: Trang bị các kiến thức cơ bản về marketing, quản trị, đầu tư, tài chính, tiền lương và ứng dụng các kiến thức này vào hoạt động bảo hiểm như: tuyên truyền, quảng cáo để tăng số lượng người tham gia bảo hiểm, đầu tư quỹ, quản trị tổ chức bảo hiểm, tham mưu xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thương mại. Sinh viên cũng nắm được mô hình an sinh xã hội của một số nước trên thế giới, các quy định của các công ước quốc tế về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, các điều ước quốc tế về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Kiến thức chuyên ngành: Trang bị các kiến thức về nghiệp vụ của tổ chức bảo hiểm xã hội và các doanh nghiệp bảo hiểm như: Quy trình thu, cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; giải quyết chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội; tổ chức chi trả bảo hiểm xã hội; quy trình khai thác, ký kết, quản lý hợp đồng bảo hiểm thương mại; giám định tổn thất, bồi thường thiệt hại. Áp dụng những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và bảo hiểm vào phân tích, đánh giá thực trạng để tham mưu, đề xuất xây dựng và hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

- Thành thạo trong việc giải quyết chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội: cấp sổ, thu, tính toán chế độ, chi trả chế độ BHXH cho người lao động;
- Độc lập triển khai được các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại ở doanh nghiệp bảo hiểm;
- Thành thạo trong việc soạn thảo các văn bản hành chính thông thường;
- Sử dụng được bộ công cụ Microsoft office, internet và phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành được đào tạo như: phần mềm quản lý thu, quản lý chi trả.

Kỹ năng mềm:

- Khả năng thuyết trình, làm việc theo nhóm;
- Có kỹ năng giao tiếp;
- Sử dụng tiếng anh trong giao tiếp thông thường và trong công việc chuyên môn bảo hiểm.

Về thái độ

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Bảo hiểm có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, có ý thức tự giác học tập nâng cao trình độ, tự tin, linh hoạt, sáng tạo, khéo léo và tôn trọng pháp luật, lối sống tích cực, có ý tinh thần hướng về cộng đồng.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo hiểm, trình độ đại học có thể làm việc tại:

- Cán bộ ở các phòng nghiệp vụ tại các cơ quan thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
- Cán bộ làm bảo hiểm xã hội ở các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức.
- Cán bộ nghiệp vụ tại các doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, tái bảo hiểm, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam
- Cán bộ, chuyên viên quản lý nhà nước về bảo hiểm ở các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm các cấp: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính...
- Cán bộ làm công tác giảng dạy, nghiên cứu về bảo hiểm tại các trường, viện, học viện và các cơ quan nghiên cứu khoa học khác.

Trình độ Ngoại ngữ và Tin học

Ngoại ngữ: có thể sử dụng tiếng Anh ở mức tương đương chuẩn TOEIC 400.

Tin học: sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành, sử dụng tốt internet, MS word, MS Excel, MS PowerPoint.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, không bao gồm 05 TC Giáo dục thể chất, 08 TC Giáo dục quốc phòng và an ninh

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLDXH ngày 05/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

6. THANG ĐIỂM

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*** Kiến thức giáo dục đại cương : 32 tín chỉ**

(không kể GDQP và GDTC)

- Kiến thức bắt buộc : 28 tín chỉ

- Kiến thức lựa chọn : 04 tín chỉ

*** Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 98 tín chỉ**

- Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc) : 12 tín chỉ

- Kiến thức cơ sở ngành : 18 tín chỉ

. Kiến thức bắt buộc : 14 tín chỉ

. Kiến thức lựa chọn : 04 tín chỉ

- Kiến thức ngành : 58 tín chỉ

. Kiến thức bắt buộc : 42 tín chỉ

. Kiến thức lựa chọn : 16 tín chỉ

- Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc) : 04 tín chỉ

- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế : 06 tín chỉ

7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương : 32 tín chỉ

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
	Kiến thức GD đại cương	32	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	28	
1	Những nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	
2	Những nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	Tiếng Anh cơ bản 1	2	
6	Tiếng Anh cơ bản 2	3	
7	Tin học cơ bản 1	2	
8	Tin học cơ bản 2	2	
9	Toán cao cấp 1	2	
10	Toán cao cấp 2	2	
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
12	Pháp luật đại cương	2	
13	Giáo dục thể chất	5	
14	Giáo dục quốc phòng	8	
	<i>Các học phần tự chọn (2/4 học phần)</i>	4	
15	Soạn thảo văn bản	2	
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
17	Logic học	2	
18	Tâm lý học đại cương	2	

7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

: 98 tín chỉ

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	
	<i>Kiến thức cơ sở khối ngành</i>	12	
19	Kinh tế vi mô	3	
20	Kinh tế vĩ mô	3	
21	Nguyên lý thống kê	2	
22	Marketing căn bản	2	
23	Luật kinh tế	2	
	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	18	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	14	
24	Nguyên lý bảo hiểm	2	
25	Luật lao động	2	
26	Nguyên lý tiền lương	2	
27	Kinh tế đầu tư	3	
28	Quản trị rủi ro	3	

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
29	Nhập môn An sinh xã hội	2	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 học phần trong tổ hợp)</i>	4	
30	Kinh tế lượng	2	
31	Nguyên lý kế toán I	2	
32	Điều tra xã hội học	2	
33	Kinh tế phát triển	2	
34	Quản trị học	2	
	Kiến thức ngành	58	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	48	
35	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm I	2	
36	Tài chính bảo hiểm I	2	
37	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm II	2	
38	Tài chính bảo hiểm II	2	
39	Bảo hiểm phi nhân thọ I	2	
40	Bảo hiểm phi nhân thọ II	2	
41	Bảo hiểm nhân thọ	2	
42	Quản trị kinh doanh bảo hiểm I	2	
43	Quản trị kinh doanh bảo hiểm II	2	
44	Lý thuyết Bảo hiểm xã hội	3	
45	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2	
46	Quản trị bảo hiểm xã hội I	2	
47	Quản trị bảo hiểm xã hội II	2	
48	Bảo hiểm hưu trí	3	
49	Bảo hiểm thất nghiệp	3	
50	Thực hành BHXH	4	
51	Phân tích tài chính bảo hiểm	3	
52	Bảo hiểm y tế	2	
53	Tin học chuyên ngành I	2	
54	Thống kê bảo hiểm	2	
55	Tin học chuyên ngành II	2	
56	Quản lý thu	2	
57	Quản lý thu khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh	2	
58	Quản lý chi	2	

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
59	Quản lý hồ sơ	2	
60	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	2	
61	Giám định bảo hiểm y tế	2	
62	Giám định bồi thường	2	
63	Quản lý đại lý bảo hiểm	2	
64	Tái bảo hiểm	2	
65	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	2	
	Thực tập, làm khóa luận hoặc học phần thay thế		
	<i>Thực tập cuối khóa</i>	4	
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	
	Học phần thay thế khóa luận		
66	Đầu tư tài chính bảo hiểm	3	
67	Chính sách bảo hiểm y tế	3	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Môn học bắt buộc									
1	Giáo dục thể chất	5	2	2	1					
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	2	2							
3	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
4	Tin học cơ bản 1	2	2							
5	Toán cao cấp 1	2	2							
6	Pháp luật đại cương	2	2							
7	Nguyên lý thống kê	2	2							
8	Nhập môn an sinh xã hội	2	2							
9	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	3		3						
10	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
11	Tin học cơ bản 2	2		2						
12	Toán cao cấp 2	2		2						
13	Kinh tế vi mô	3		3						
14	Nguyên lý tiền lương	2		2						

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
15	Luật kinh tế	2			2					
16	Nguyên lý bảo hiểm	2			2					
17	Tư tưởng Hồ chí Minh	2			2					
18	Giáo dục quốc phòng & An ninh	8			8					
19	Kinh tế vĩ mô	3			3					
20	Marketing căn bản	2			2					
21	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3					
22	Kinh tế đầu tư	3			3					
23	Luật lao động	2				2				
24	Lý thuyết Bảo hiểm xã hội	3				3				
25	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	2				2				
26	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3				
27	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm 1	2				2				
28	Quản trị rủi ro	3				3				
29	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	2					2			
30	Bảo hiểm nhân thọ	2					2			
31	Tài chính bảo hiểm 1	2					2			
32	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm 2	2					2			
33	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	2					2			
34	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	2					2			
35	Quản trị Bảo hiểm xã hội 1	2					2			
36	Bảo hiểm hưu trí	3					3			
37	Bảo hiểm thất nghiệp	3					3			
38	Thống kê bảo hiểm	2						2		
39	Tài chính bảo hiểm 2	2						2		
40	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	2						2		
41	Quản trị Bảo hiểm xã hội 2	2						2		
42	Thực hành Bảo hiểm xã hội	4						4		
43	Bảo hiểm y tế	2						2		
44	Tin học chuyên ngành 1	2						2		
45	Phân tích tài chính bảo hiểm	3							3	
46	Tin học chuyên ngành 2	2							2	
	Môn học tự chọn									
47	Soạn thảo văn bản	2		4						

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Học kỳ									
48	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2								
49	Logic học	2								
50	Tâm lý học đại cương	2								
51	Kinh tế lượng	2				2				
52	Nguyên lý kế toán 1	2								
53	Điều tra xã hội học	2								
54	Kinh tế phát triển	2				2				
55	Quản trị học	2								
56	Quản lý thu	2								
57	Quản lý thu khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh	2							2	
58	Quản lý chi	2								
59	Quản lý hồ sơ	2							2	
60	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	2							2	
61	Giám định Bảo hiểm y tế	2								
62	Giám định bồi thường	2							2	
63	Quản lý đại lý bảo hiểm	2								
64	Tái bảo hiểm	2								
65	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	2							2	
66	Thực tập cuối khóa	4								4
67	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
	<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>									
68	Đầu tư tài chính bảo hiểm	3								3
69	Chính sách Bảo hiểm xã hội	3								3
	Tổng cộng	143	16	21	26	19	20	16	15	10
	Số TC lý thuyết		16	21	26	19	20	16	15	0
	Số TC đồ án/thực tập									10
	Số tuần thi		3	3	3	3	3	3	3	4
	Số tuần/Học kỳ		18	18	18	18	18	18	18	18

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
----	-------------	--------------	-------	-----------	---------

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		
1	GDT11422T	Giáo dục thể chất 1	2		
2	MLN10722H	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2		
3	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
4	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
5	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		
6	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
7	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	2		
8	ASXH0322H	Nhập môn an sinh xã hội	2		
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	MLN20723H	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	MLN10722H	
2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3	TAC10622H	
3	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		
4	TCC21122L	Toán cao cấp 2	2		
5	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	3		
6	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	2		
		Học phần tự chọn	6		
7	GDT31422T	Giáo dục thể chất 3	2		Chọn 2/4 TC
8	GDT41422T	Giáo dục thể chất 4	2		
9	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2	PLĐC1022H	Chọn 4/8 TC
10	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		
11	LOGI0722L	Logic học	2	MLN10722H	
12	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Tổng cộng	21		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	25		
1	LKTE1022H	Luật kinh tế	2	PLĐC1022H	
2	NLBH0423H	Nguyên lý bảo hiểm	2	ViMO0523H PLĐC1022H	
3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLN10722H	
4	QPAN1428H	Giáo dục quốc phòng & An ninh	8		
5	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	3		
6	MARC0522H	Marketing căn bản	2		
7	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
8	KTĐT0423H	Kinh tế đầu tư	3		
		Học phần tự chọn	1		
9	GDT51421T	Giáo dục thể chất 5	1		Chọn 1/2 TC
10	GDT61421T	Giáo dục thể chất 6	1		
		Tổng cộng	26		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	LLĐO1022H	Luật lao động	2	PLĐC1022H	
2	LTBH0423H	Lý thuyết Bảo hiểm xã hội	3		
3	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	2	NLBH0423H	
4	ĐLCM0723H	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	MLN20723H TTCM0722H	
5	ABH10622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm 1	2	TAC20623H	
6	QTRR0423H	Quản trị rủi ro	3	KTĐT0423H	
		Học phần tự chọn	4		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
7	KTLU1122H	Kinh tế lượng	2	ViMO0523H ViMO0523H TCB21222H TCC21122L XSTK1123L	Chọn 2/4 TC
8	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	2		
9	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	2		Chọn 2/6 TC
10	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	2		
11	QTHO0522H	Quản trị học	2		
		Tổng cộng	19		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	20		
1	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	2	PNT10422H	
2	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	2	NLBH0423H QTRR0423H	
3	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	2	KTĐT0423H	
4	ABH20622H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm 2	2	ABH10622H	
5	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	2	BHNT0422H PNT10422H	
6	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2		
7	QTB10422H	Quản trị bảo hiểm xã hội 1	2	LTBH0423H	
8	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	3	LTBH0423H	
9	BHTN0423H	Bảo hiểm thất nghiệp	3	LTBH0423H	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	20		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	TKBH1322H	Thống kê bảo hiểm	2	NLTK1322H	
2	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	2	TCB10422H	
3	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	2	KDB10422H	
4	QTB20422H	Quản trị bảo hiểm xã hội 2	2	QTB10422H	
5	THBH0424H	Thực hành bảo hiểm xã hội	4	NVBH0422H BHHT0423H BHTN0423H	
6	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	2	LTBH0423H	
7	TCN10422H	Tin học chuyên ngành 1	2	BHHT0423H	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		
1	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	3	TCB20422H	
2	TCN20422H	Tin học chuyên ngành 2	3	TCN10422H	
		Học phần tự chọn	2		
3	QLTH0422L	Quản lý thu	2	LTBH0423H	Chọn 2/4 TC
4	QLTD0422L	Quản lý thu khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh	2	LTBH0423H	
5	QLCH0422L	Quản lý chi	2	NVBH0422H BHHT0423H	Chọn 2/4 TC
6	QLHS0422L	Quản lý hồ sơ	2	NVBH0422H BHHT0423H	
7	XHTN0422L	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	2	LTBH0423H	Chọn 2/4 TC
8	GĐYT0422L	Giám định bảo hiểm y tế	2	LTBH0423H BHYT0422H	
9	GĐBT0422L	Giám định bồi thường	2	PNT20422H BHNT0422H	Chọn 2/4 TC
10	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	2	PNT20422H BHNT0422H	
11	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	2	NLBH0423H	Chọn

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
				QTRR0423H PNT20422H BHNT0422H	2/4 TC
12	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	2	PNT20422H BHNT0422H	
		Tổng cộng	18		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	TTCK0424T	Thực tập cuối khóa	4		
2	KLTN0426T	Khóa luận tốt nghiệp	6		
		Học phần thay thế khóa luận			
3	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	3	TCB20422H KTĐT0423H	
4	CSBH0423L	Chính sách bảo hiểm xã hội	3		
		Tổng cộng	10		

9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.4. Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.5. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

9.6. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

9.7. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

9.8. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

9.9. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

9.10. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần

nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

9.11. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

9.12. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

9.13. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: 05

Nội dung ban hành tại Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.14. Giáo dục quốc phòng

Số tín chỉ: 08

Nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.15. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

9.16. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

9.17. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

9.18. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

9.19. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.

9.20. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

9.21. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.

9.22. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

9.23. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

9.24. Nguyên lý bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề lý luận chung về bảo hiểm; Cơ sở kỹ thuật cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; Tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Hợp đồng bảo hiểm; Thị trường bảo hiểm.

9.25. Luật lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 10 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật lao động; Những vấn đề cơ bản về việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thỏa ước lao động tập thể; Những vấn đề cơ bản về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn, vệ sinh lao động; Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp lao động; thanh tra lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

9.26. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, chung nhất về tiền lương và các khoản thu nhập khác của người lao động phát sinh trong quan hệ lao động: Tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác phát sinh trong quan hệ lao động, cũng như các kiến thức về chế độ tiền lương và hình thức trả lương

9.27. Kinh tế đầu tư

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến đầu tư và đầu tư phát triển; nguồn vốn đầu tư và thị trường vốn; dự án đầu tư và các chu kỳ của dự án đầu tư. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến giá trị thời gian của tiền và dòng tiền của dự án đầu tư từ đó vận dụng các phương pháp để phân tích tài chính dự án đầu tư; các phương pháp thẩm định dự án đầu tư.

9.28. Quản trị rủi ro

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát về rủi ro và một số khái niệm có liên quan; quy trình quản trị rủi ro và các bước cần làm cho quy trình đó; các biện pháp để nhận dạng và đo lường rủi ro; các phương pháp phân tích tổn thất tiềm năng về tài sản, con người và trách nhiệm dân sự; các biện pháp để đối phó với rủi ro bao gồm kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro.

9.29. Nhập môn An sinh xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ASXH: Những nội dung cơ bản về ASXH; Các lý thuyết cơ bản về ASXH trên thế giới; Các mô hình, các thể chế về ASXH; Mô hình ASXH qua các thời kỳ.

9.30. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

9.31. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.

9.32. Điều tra xã hội học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần đi sâu vào ứng dụng thực nghiệm thông qua các vấn đề xã hội để trang bị cho sinh viên những kiến thức về trình tự các bước tiến hành của một cuộc điều tra xã hội học và những đặc trưng cơ bản của nó.

9.33. Kinh tế phát triển

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng của môn Kinh tế phát triển; Lý luận phát triển và phát triển bền vững nền kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; Tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các mô hình lý thuyết về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; Khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển.

9.34. Quản trị học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị tổ chức; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Chức năng lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm soát.

9.35. Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm các nội dung sau: Social security; Social insurance; Retirement pension; Unemployment insurance; Health insurance

9.36. Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm các nội dung sau: Social security; Social insurance; Retirement pension; Unemployment insurance; Health insurance

9.37. Tài chính bảo hiểm 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Các định chế tài chính trung gian; Tín dụng và lãi suất.

9.38. Tài chính bảo hiểm 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Các định chế tài chính trung gian; Tín dụng và lãi suất.

9.39. Bảo hiểm phi nhân thọ 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về bảo hiểm phi nhân thọ; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm hỏa hoạn.

9.40. Bảo hiểm phi nhân thọ 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Bảo hiểm hàng hải; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm con người phi nhân thọ.

9.41. Bảo hiểm nhân thọ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về bảo hiểm nhân thọ; Cơ sở kỹ thuật của bảo hiểm nhân thọ; Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

9.42. Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về quản trị kinh doanh bảo hiểm; Thị trường bảo hiểm và Marketing trong kinh doanh bảo hiểm; Doanh nghiệp bảo hiểm; Quản trị khách hàng; Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

9.43. Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp bảo hiểm; Quản trị sản phẩm trong doanh nghiệp bảo hiểm;

Quản trị tài chính doanh nghiệp bảo hiểm; Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

9.44. Lý thuyết bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về BHXH: Khái quát chung về BHXH và môn học BHXH; Lịch sử hình thành và phát triển của BHXH; Chính sách bảo hiểm y tế; BHXH một số nước trên thế giới.

9.45. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, tập trung vào 3 vấn đề chính sau: Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

9.46. Quản trị bảo hiểm xã hội 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị BHXH: Khái quát những vấn đề cơ bản về BHXH; Hệ thống tổ chức hoạt động sự nghiệp BHXH; Quản lý đối tượng tham gia và quản lý đối tượng hưởng BHXH; Quản lý Nhà nước về BHXH.

9.47. Quản trị bảo hiểm xã hội 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý tài chính BHXH: Khái quát những vấn đề cơ bản về quản lý tài chính BHXH; Quản lý thu BHXH; Quản lý chi BHXH; Quản lý đầu tư và cân đối quỹ BHXH.

9.48. Bảo hiểm hưu trí

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về bảo hiểm hưu trí gồm: Một số vấn đề chung về bảo hiểm hưu trí; Bảo hiểm hưu trí ở các nước trên thế giới và quá trình hình thành phát triển bảo hiểm hưu trí Việt Nam; Phương pháp luận xác định tuổi nghỉ hưu và thời gian đóng bảo hiểm hưu trí; Tài chính bảo hiểm hưu trí; Pháp luật về bảo hiểm hưu trí, tử tuất ở Việt Nam.

9.49. Bảo hiểm thất nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về BHTN: Khái quát chung về BHTN và môn học BHTN; Tài chính BHTN; Tình hình thất nghiệp và các chính sách giải quyết người lao động thất nghiệp ở VN; Đo lường thất nghiệp và thống kê trong nghiên cứu BHTN; Khung pháp luật và tổ chức quản lý BHTN ở Việt Nam.

9.50. Thực hành bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Nội dung của học phần bao gồm: Hệ thống các văn bản pháp luật về BHXH hiện hành; Nghiệp vụ thu BHXH; Cấp, quản lý và sử dụng sổ BHXH; Nghiệp vụ chi trả các chế độ BHXH.

9.51. Phân tích tài chính bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm: Những vấn đề tổng quan về phân tích tài chính DNBH; Hệ thống báo cáo tài chính nói chung và hệ thống báo cáo tài chính DNBH; Phân tích năng lực tài chính của DNBH.

9.52. Bảo hiểm y tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về BHYT: Cơ sở lý luận về Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm y tế ở một số nước trên thế giới; Tài chính y tế; Phương pháp xác định phí BHYT và thanh toán chi phí khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT; Chính sách Bảo hiểm y tế ở Việt Nam.

9.53. Tin học chuyên ngành 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quy trình xét duyệt chế độ hưởng BHXH, quy trình chi trả chế độ BHXH; Hệ thống thông tin quản lý BHXH, thực hành xét duyệt chế độ chính sách hưởng BHXH và quản lý chi trả chế độ hưu trí, tử tuất, chế độ tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp.

9.54. Thống kê bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Những vấn đề cơ bản của thống kê bảo hiểm; Thống kê bảo hiểm xã hội; Thống kê bảo hiểm y tế; Thống kê bảo hiểm thương mại; Thống kê tái bảo hiểm; Thống kê hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm.

9.55. Tin học chuyên ngành 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quy trình quản lý thu BHXH, quản lý tài chính kế toán (quỹ BHXH); Hệ thống thông tin quản lý BHXH, thực hành quản lý thu BHXH, thực hành kế toán BHXH.

9.56. Quản lý thu

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội, cung cấp những kiến thức nền tảng để sinh viên có

thể học/ nghiên cứu và vận dụng trong công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội; Những vấn đề chung về quản lý thu bảo hiểm xã hội; Thực trạng quản lý thu bảo hiểm xã hội; Một số giải pháp và khuyến nghị.

9.57. Quản lý thu khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh; Một số vấn đề về quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh; Thực trạng quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh; Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

9.58. Quản lý chi

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác quản lý chi bảo hiểm xã hội: Những vấn đề chung về quản lý chi bảo hiểm xã hội; Thực trạng quản lý chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội; Một số giải pháp và khuyến nghị.

9.59. Quản lý hồ sơ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề chung về hồ sơ bảo hiểm xã hội; Quy định về hồ sơ và qui trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH; Bảo quản hồ sơ lưu trữ.

9.60. Bảo hiểm xã hội tự nguyện

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Bảo hiểm xã hội tự nguyện: Khái quát chung về Bảo hiểm xã hội tự nguyện; Nội dung của Bảo hiểm xã hội tự nguyện; Bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Việt Nam.

9.61. Giám định bảo hiểm y tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Các vấn đề chung nhất về chính sách BHYT ở Việt Nam; Các nghiệp vụ của công tác Giám định bảo hiểm y tế; Các hình thức lạm dụng BHYT và hạn chế lạm dụng BHYT; Kỹ năng ứng xử trong giao tiếp của giám định viên tại bệnh viện.

9.62. Giám định bồi thường

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Sự cần thiết khách quan và vai trò của bảo hiểm thương mại; Khái quát chung về công tác giám định; Khái quát chung về công tác bồi thường.

9.63. Quản lý đại lý bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về bảo hiểm; Những vấn đề cơ bản về đại lý bảo hiểm; Quy trình khai thác bảo hiểm; Lập kế hoạch, tuyển dụng, đào tạo và phát triển đại lý.

9.64. Tái bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tái bảo hiểm; Các hình thức tái bảo hiểm; Phương pháp tái bảo hiểm; Hợp đồng tái bảo hiểm.

9.65. Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về bảo hiểm thương mại; Mô hình tổ chức và nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm; Tổ chức triển khai nghiệp vụ bảo hiểm thương mại; Tổ chức quản lý hợp đồng bảo hiểm; Phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

9.66. Đầu tư tài chính bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về đầu tư và hoạt động đầu tư phát triển; Nguồn vốn đầu tư và điều kiện huy động hiệu quả nguồn vốn đầu tư; Các phương pháp lựa chọn phương án đầu tư; Những vấn đề liên quan đến quỹ bảo hiểm xã hội, các hệ thống tài chính và mô hình cân đối quỹ BHXH, các loại doanh thu chi phí trong DNBH và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu chi phí; Các chỉ tiêu tài chính đặc thù trong DNBH và phương pháp trích lập; Hoạt động đầu tư của DNBH và quỹ BHXH

9.67. Chính sách bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về Chính sách bảo hiểm y tế; Khái quát chung về Chính sách bảo hiểm y tế; Xây dựng Chính sách bảo hiểm y tế; Nội dung Chính sách bảo hiểm y tế; Phân tích Chính sách bảo hiểm y tế.

10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
	Môn học bắt buộc		
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin P1	ThS. Đặng Thị Hồng Vi ThS. Vũ Sĩ Đoàn ThS. Đoàn Thị Thu Hà	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		TS. Nguyễn Thị Giáng Hương ThS. Phạm Khánh Ngọc ThS. Nguyễn Thị Thu	Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	ThS. Đỗ Thị Ngọc Ánh ThS. Vũ Sỹ Đoàn ThS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Đông Thị Hồng TS. Nguyễn Thị Giáng Hương TS. Vũ Thị Phương Mai ThS. Phạm Khánh Ngọc ThS. Đào Mai Phước ThS. Nguyễn Thị Thu TS. Phạm Thị Thủy ThS. Đặng Thị Hồng Vi	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TS. Vũ Thị Phương Mai ThS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Nguyễn Thị Giáng Hương ThS. Nguyễn Văn Tuấn ThS. Triệu Thị Trinh ThS. Nguyễn Thị Thu	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	TS. Phạm Thị Thủy ThS. Triệu Thị Trinh TS. Đông Thị Hồng ThS. Đào Mai Phước ThS. Nguyễn Văn Tuấn ThS. Lê Hương Giang ThS. Nguyễn Thị Phúc ThS. Đỗ Thị Yên ThS. Đoàn Thanh Thủy	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Lịch sử Lịch sử
5	Tiếng Anh cơ bản 1	ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Lê Anh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Phạm Thị Hồng Hạnh ThS. Kiều Linh ThS. Đàm Lan Hương ThS. Phạm Thị Liễu ThS. Lê Thị Thu Thủy ThS. Trịnh Thị Thủy ThS. Hoàng Thị Hiền ThS. Trần Thị Thu Hằng ThS. Trương Thị Thuý ThS. Nguyễn Thị Lan Anh ThS. Triệu Thị Trang ThS. Đỗ Diệp Linh	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Nguyễn Thị Sinh Chi ThS. Bùi Thị Hồng Dung ThS. Nguyễn Thanh Huyền TS. Vũ Thị Tuyết Lan ThS. Ngô Bích Liên ThS. Nguyễn Sao Mai ThS. Phạm Hồng Nhung ThS. Nguyễn Nam Thắng ThS. Phạm Minh Tú ThS. Tạ Tường Vi	Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Kinh tế Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT
8	Tin học cơ bản 2	ThS. Nguyễn Hữu Bình ThS. Nguyễn Thị Sinh Chi ThS. Bùi Thị Hồng Dung ThS. Nguyễn Thanh Huyền TS. Vũ Thị Tuyết Lan ThS. Ngô Bích Liên ThS. Nguyễn Sao Mai ThS. Phạm Hồng Nhung ThS. Nguyễn Nam Thắng ThS. Phạm Minh Tú ThS. Tạ Tường Vi	Xử lý Thông tin Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Kinh tế Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT
9	Toán cao cấp 1	TS. Nguyễn Thị Nga ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Phạm Thị Tuyết Nhung ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Nguyễn Thị Sơn	Toán Toán Toán Toán Toán
10	Toán cao cấp 2	TS. Nguyễn Thị Nga ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Phạm Thị Tuyết Nhung ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Nguyễn Thị Sơn	Toán Toán Toán Toán Toán
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TS. Nguyễn Thị Nga ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Phạm Thị Tuyết Nhung ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Nguyễn Thị Sơn	Toán Toán Toán Toán Toán
12	Pháp luật đại cương	ThS. Trần Thị Lan Anh ThS. Khuất Thị Thu Hiền ThS. Đào Xuân Hội TS. Nguyễn Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương ThS. Trần Thị Mai Loan ThS. Nguyễn Duy Phương ThS. Trần Đức Thắng	Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Trần Kiều Trang ThS. Phạm Kim Thoa ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật Luật Luật
13	<i>Giáo dục thể chất</i>	ThS. Nguyễn Huy Khôi ThS. Phạm Đức Long CN. Nguyễn Ngọc Liên Nguyễn Đức Toàn ThS. Lê Thị Thu Hương ThS. Hoàng Thị Hương ThS. Nguyễn T. Ngọc Linh ThS. Nguyễn Thị Hường CN. Vũ Tùng Vân ThS. Lê Thị Chung Hiếu ThS. Bùi Như Ý ThS. Lê Văn Thuận CN. Bùi Doãn Thao	Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao Thể dục thể thao
14	<i>Giáo dục quốc phòng - An ninh</i>	Trung tâm GDQP do Bộ GD &ĐT phân luồng	
	Các học phần tự chọn		
15	Soạn thảo văn bản	ThS. Lê Xuân Cử ThS. Đỗ Xuân Đán ThS. Đào Xuân Hội ThS. Vũ Thị Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương CN. Đinh Thị Hường	Hành chính công Thư viện Luật Luật Luật Văn học
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	ThS. Đào Mai Phước TS. Nguyễn T Giáng Hương TS. Vũ Thị Phương Mai TS. Phạm Thị Thủy	Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
17	Logic học	ThS. Vũ Sĩ Đoàn ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Đặng Thị Hồng Vi	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
18	Tâm lý học đại cương	TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Nguyễn Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Hiền ThS. Đỗ Thị An ThS. Nguyễn Hữu Hùng ThS. Lê Thị Thủy	Tâm lý xã hội Tâm lý xã hội Tâm lý xã hội Tâm lý giáo dục Quản lý TT Công tác xã hội

10.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 98 tín chỉ

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
	Kiến thức cơ sở khối ngành		
19	Kinh tế vi mô	TS. Trần Văn Hòe ThS. Tô Thị Phượng ThS. Mai Thị Anh Đào	Kinh tế Quản trị KD Quản trị KD

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Thị Phương Lan ThS. Trần Thị Kim Nhung ThS. Trần Thị Hạnh ThS. Đào Thị Thu Hiền ThS. Triệu Linh Giang ThS. Tăng Anh Cường ThS. Hoàng Mạnh Cường TS. Hoàng Thanh Tùng ThS. Bùi Thị Hồng Nhung TS. Lương Xuân Dương TS. Doãn Thị Mai Hương ThS. Nguyễn Xuân Hường ThS. Nguyễn Anh Tấn ThS. Bùi Đức Lộc ThS. Đinh Quốc Tuyền	Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Kinh tế NT Quản trị nhân lực Kinh tế Kinh tế Kinh tế phát triển Quản lý KHCN Quản trị KD Quản trị KD
20	Kinh tế vĩ mô	TS. Trần Văn Hòe ThS. Tô Thị Phụng ThS. Mai Thị Anh Đào ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Thị Phương Lan ThS. Trần Thị Kim Nhung ThS. Trần Thị Hạnh ThS. Đào Thị Thu Hiền ThS. Triệu Linh Giang ThS. Tăng Anh Cường ThS. Hoàng Mạnh Cường TS. Hoàng Thanh Tùng ThS. Bùi Thị Hồng Nhung TS. Lương Xuân Dương TS. Doãn Thị Mai Hương ThS. Nguyễn Xuân Hường ThS. Nguyễn Anh Tấn ThS. Bùi Đức Lộc ThS. Đinh Quốc Tuyền	Kinh tế Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Kinh tế NT Quản trị nhân lực Kinh tế Kinh tế Kinh tế phát triển Quản lý KHCN Quản trị KD Quản trị KD
21	Nguyên lý thống kê	TS. Nguyễn Lê Anh ThS. Ngô Anh Cường ThS. Phạm Ngọc Yến ThS. Đỗ Thu Hương ThS. Lê Thị Thu Trang ThS. Đỗ Thị Thúy ThS. Phạm Linh Giang ThS. Lưu Thị Duyên	Thống kê Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Luật

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
22	Luật Kinh tế	ThS. Trần Thị Lan Anh ThS. Khuất Thị Thu Hiền ThS. Đào Xuân Hội TS. Nguyễn Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương ThS. Nguyễn Duy Phương ThS. Phạm Kim Thoa ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật
23	Marketing căn bản	TS. Trần Văn Hòe ThS. Phan Thành Hưng ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Đức Mạnh	Kinh tế Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD
	Kiến thức cơ sở ngành		
	Các học phần bắt buộc		
24	Nguyên lý bảo hiểm	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái ThS. Tô Thị Hồng ThS. Nguyễn Minh Thía ThS. Trần Ngọc Hà ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Bảo hiểm
25	Luật lao động	ThS. Khuất Thị Thu Hiền ThS. Đào Xuân Hội ThS. Vũ Thị Thanh Huyền TS. Nguyễn Thanh Huyền ThS. Trần Thị Mai Loan ThS. Trần Đức Thắng ThS. Trần Kiều Trang ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật
26	Nguyên lý tiền lương	PGS, TS. Lê Thanh Hà TS. Đỗ Thị Tươi TS. Đoàn Thị Yến TS. Vũ Hồng Phong TS. Trần Thị Minh Phương ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung ThS. Vũ T. Ánh Tuyết ⁸³ ThS. Ngô Thị Hồng Nhung ThS. Trương Thị Tâm ThS. Vũ T. Ánh Tuyết ⁸⁰ ThS. Nguyễn Thị Hồng ⁸⁸ ThS. Lê Thúy Hằng	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Quản trị NL Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế
27	Kinh tế đầu tư	ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Đỗ Thùy Dung TS. Lục Mạnh Hiên ThS. Mai Thị Hường ThS. Mai Thị Dung	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Trần Thị Thanh ThS. Ngô Thị Liên ThS. Trần Lệ Hằng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế
28	Quản trị rủi ro	ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Đỗ Thùy Dung TS. Lục Mạnh Hiến ThS. Mai Thị Hương ThS. Mai Thị Dung ThS. Trần Thị Thanh ThS. Ngô Thị Liên ThS. Trần Lệ Hằng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
29	Nhập môn an sinh xã hội	ThS. Phạm Hồng Trang ThS. Nguyễn Trung Hải 76 ThS. Vũ Thị Lan Anh ThS. Phạm Thị Thu Trang CN. Trần Xuân Kỳ TS. Nguyễn Trung Hải 79	Công tác xã hội An sinh xã hội Công tác xã hội Tâm lý xã hội An sinh xã hội An sinh xã hội
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 học phần trong tổ hợp)</i>		
30	Kinh tế lượng	TS. Nguyễn Thị Nga ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Phạm Thị Tuyết Nhung ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Nguyễn Thị Sơn	Toán Toán Toán Toán Toán
31	Nguyên lý kế toán 1	TS. Phan Thị Thu Mai ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga ThS. Vũ Thị Thê ThS. Nguyễn Thị Nga ThS. Nguyễn Văn Thụ ThS. Trần Thị Thu Thủy ThS. Hoàng Khánh Vân ThS. Phạm Thị Thanh Hòa ThS. Lê Thị Hương Trâm ThS. Nguyễn Thu Thảo PGS, TS. Nghiêm Văn Lợi TS. Bùi Thị Ngọc	Kế toán TC Kế toán TC Kế toán TC Kế toán TC Kế toán TC Kế toán TC Kế toán TC Kế toán TC Kế toán TC Kế toán Kế toán TC Kế toán TC
32	Điều tra xã hội học	ThS. Nguyễn Hồng Linh ThS. Chu Thị Huyền Yến TS. Đặng Thị Lan Anh ThS. Nguyễn Thanh Huyền	Công tác xã hội Công tác xã hội Xã hội học Công tác xã hội
33	Kinh tế phát triển	TS. Trần Văn Hòe ThS. Tô Thị Phượng ThS. Mai Thị Anh Đào ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang	Kinh tế Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Thị Phương Lan ThS. Trần Thị Kim Nhung ThS. Trần Thị Hạnh ThS. Đào Thị Thu Hiền ThS. Triệu Linh Giang ThS. Tăng Anh Cường ThS. Hoàng Mạnh Cường TS. Hoàng Thanh Tùng ThS. Bùi Thị Hồng Nhung TS. Lương Xuân Dương TS. Doãn Thị Mai Hương ThS. Nguyễn Xuân Hường ThS. Bùi Đức Lộc ThS. Đinh Quốc Tuyền	Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Kinh tế NT Quản trị nhân lực Kinh tế Kinh tế Kinh tế phát triển Quản trị KD Quản trị KD
34	Quản trị học	TS. Trần Văn Hòe	Kinh tế
		ThS. Nguyễn Cẩm Bình	Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Thị Hường	Quản trị KD
		ThS. Phạm Thị Thu Thủy	Quản trị KD
		ThS. Hà Thị Phương Thảo	Quản trị KD
		ThS. Lê Hải Hà	Quản trị KD
		ThS. Tăng Anh Cường	Quản trị KD
	Kiến thức ngành		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		
35	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm I	ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Lê Thị Thu Thủy ThS. Đỗ Diệp Linh ThS. Lại Minh Thư ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
		ThS. Phạm Đỗ Dũng	Kinh tế
		ThS. Đỗ Thùy Dung	Kinh tế
		ThS. Trần Thị Thanh	Kinh tế
		ThS. Mai Thị Hường	Kinh tế
		ThS. Mai Thị Dung	Kinh tế
		ThS. Ngô Thị Liên	Kinh tế
36	Tài chính bảo hiểm I	TS. Lục Mạnh Hiên	Kinh tế
		ThS. Trần Lệ Hằng	Kinh tế
		ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Lê Thị Thu Thủy ThS. Đỗ Diệp Linh ThS. Lại Minh Thư ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
		ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Lê Thị Thu Thủy ThS. Đỗ Diệp Linh ThS. Lại Minh Thư ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
		ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Lê Thị Thu Thủy ThS. Đỗ Diệp Linh ThS. Lại Minh Thư ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
		ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Lê Thị Thu Thủy ThS. Đỗ Diệp Linh ThS. Lại Minh Thư ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
		ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Lê Thị Thu Thủy ThS. Đỗ Diệp Linh ThS. Lại Minh Thư ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
38	Tài chính bảo hiểm II	ThS. Phạm Đỗ Dũng	Kinh tế

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Đỗ Thùy Dung ThS. Trần Thị Thanh ThS. Mai Thị Hương ThS. Mai Thị Dung ThS. Ngô Thị Liên TS. Lục Mạnh Hiến ThS. Trần Lệ Hằng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
39	Bảo hiểm phi nhân thọ I	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái ThS. Tô Thị Hồng ThS. Nguyễn Minh Thía ThS. Trần Ngọc Hà ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
40	Bảo hiểm phi nhân thọ II	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái ThS. Tô Thị Hồng ThS. Nguyễn Minh Thía ThS. Trần Ngọc Hà ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
41	Bảo hiểm nhân thọ	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái ThS. Tô Thị Hồng ThS. Nguyễn Minh Thía ThS. Trần Ngọc Hà ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
42	Quản trị kinh doanh bảo hiểm I	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái ThS. Tô Thị Hồng ThS. Nguyễn Minh Thía ThS. Trần Ngọc Hà ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
43	Quản trị kinh doanh bảo hiểm II	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái ThS. Tô Thị Hồng ThS. Nguyễn Minh Thía ThS. Trần Ngọc Hà ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
44	Lý thuyết Bảo hiểm xã hội	TS. Hoàng Bích Hồng ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Phạm Hải Hưng ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Trịnh Khánh Chi ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Vũ Thị Hồng Nết ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Hà Thị Nhung ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
45	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	TS. Hoàng Bích Hồng ThS. Phạm Đỗ Dũng	Kinh tế bảo hiểm Kinh tế

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Phạm Hải Hưng ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Trịnh Khánh Chi ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Vũ Thị Hồng Nết ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Hà Thị Nhung ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
46	Quản trị bảo hiểm xã hội I	ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Đỗ Thùy Dung ThS. Mai Thị Dung ThS. Mai Thị Hường ThS. Trần Thị Thanh ThS. Ngô Thị Liên ThS. Trần Lệ Hằng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
47	Quản trị bảo hiểm xã hội II	ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Đỗ Thùy Dung ThS. Mai Thị Dung ThS. Mai Thị Hường ThS. Trần Thị Thanh ThS. Ngô Thị Liên ThS. Trần Lệ Hằng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
48	Bảo hiểm hưu trí	TS. Hoàng Bích Hồng ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Phạm Hải Hưng ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Trịnh Khánh Chi ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Vũ Thị Hồng Nết ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Hà Thị Nhung ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
49	Bảo hiểm thất nghiệp	TS. Hoàng Bích Hồng ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Phạm Hải Hưng ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Trịnh Khánh Chi ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Vũ Thị Hồng Nết ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Hà Thị Nhung	Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
50	Thực hành BHXH	TS. Hoàng Bích Hồng	Kinh tế bảo hiểm

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế
51	Phân tích tài chính bảo hiểm	ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Đỗ Thùy Dung ThS. Trần Thị Thanh ThS. Mai Thị Hương ThS. Mai Thị Dung ThS. Ngô Thị Liên TS. Lục Mạnh Hiên ThS. Trần Lê Hằng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
52	Bảo hiểm y tế	ThS. Phạm Đức Trọng ThS. Phạm Hải Hưng ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Hà Thị Nhung	Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Bảo hiểm
53	Tin học chuyên ngành I	ThS. Phạm Đức Trọng ThS. Nguyễn Thị Vân	Kinh tế Kinh tế
54	Thống kê bảo hiểm	TS. Nguyễn Lê Anh ThS. Phạm Ngọc Yến ThS. Lê Thị Thu Trang ThS. Đỗ Thị Thúy	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
55	Tin học chuyên ngành II	ThS. Phạm Đức Trọng ThS. Nguyễn Thị Vân	Kinh tế Kinh tế
56	Quản lý thu	TS. Hoàng Bích Hồng ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Phạm Hải Hưng ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Trịnh Khánh Chi ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Vũ Thị Hồng Nết ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Hà Thị Nhung ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
57	Quản lý thu khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh	TS. Hoàng Bích Hồng ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Phạm Hải Hưng ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Trịnh Khánh Chi ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Vũ Thị Hồng Nết ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Hà Thị Nhung	Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
58	Quản lý chi	TS. Hoàng Bích Hồng	Kinh tế bảo hiểm

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Phạm Đỗ Dũng	Kinh tế
		ThS. Phạm Hải Hưng	Kinh tế
		ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Kinh tế
		ThS. Trịnh Khánh Chi	Kinh tế
		ThS. Hoàng Minh Tuấn	Kinh tế bảo hiểm
		ThS. Lê Thị Xuân Hương	Kinh tế
		ThS. Vũ Thị Hồng Nết	Kinh tế
		ThS. Bùi Thị Thu Hà	Kinh tế
		ThS. Hà Thị Nhung	Kinh tế
		ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế
59	Quản lý hồ sơ	TS. Hoàng Bích Hồng	Kinh tế bảo hiểm
		ThS. Phạm Đỗ Dũng	Kinh tế
		ThS. Phạm Hải Hưng	Kinh tế
		ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Kinh tế
		ThS. Trịnh Khánh Chi	Kinh tế
		ThS. Hoàng Minh Tuấn	Kinh tế bảo hiểm
		ThS. Lê Thị Xuân Hương	Kinh tế
		ThS. Vũ Thị Hồng Nết	Kinh tế
		ThS. Bùi Thị Thu Hà	Kinh tế
		ThS. Hà Thị Nhung	Kinh tế
60	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	TS. Hoàng Bích Hồng	Kinh tế bảo hiểm
		ThS. Phạm Đỗ Dũng	Kinh tế
		ThS. Phạm Hải Hưng	Kinh tế
		ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Kinh tế
		ThS. Trịnh Khánh Chi	Kinh tế
		ThS. Hoàng Minh Tuấn	Kinh tế bảo hiểm
		ThS. Lê Thị Xuân Hương	Kinh tế
		ThS. Vũ Thị Hồng Nết	Kinh tế
		ThS. Bùi Thị Thu Hà	Kinh tế
		ThS. Hà Thị Nhung	Kinh tế
61	Giám định bảo hiểm y tế	ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế
		ThS. Phạm Hải Hưng	Kinh tế
		ThS. Hoàng Minh Tuấn	Kinh tế bảo hiểm
		ThS. Hà Thị Nhung	Kinh tế
62	Giám định bồi thường	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái	Kinh tế
		ThS. Tô Thị Hồng	Bảo hiểm
		ThS. Nguyễn Thị Thía	Kinh tế
		ThS. Trần Ngọc Hà	Kinh tế
		ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế
63	Quản lý đại lý bảo hiểm	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái	Kinh tế
		ThS. Tô Thị Hồng	Bảo hiểm
		ThS. Nguyễn Thị Thía	Kinh tế
		ThS. Trần Ngọc Hà	Kinh tế

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế
64	Tái bảo hiểm	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái	Kinh tế
		ThS. Tô Thị Hồng	Bảo hiểm
		ThS. Nguyễn Thị Thía	Kinh tế
		ThS. Trần Ngọc Hà	Kinh tế
		ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế
65	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	ThS. Nguyễn Thị Hữu Ái	Kinh tế
		ThS. Tô Thị Hồng	Bảo hiểm
		ThS. Nguyễn Thị Thía	Kinh tế
		ThS. Trần Ngọc Hà	Kinh tế
		ThS. Đào Hồng Chuyên	Kinh tế
	Thực tập cuối khóa		
	Khóa luận tốt nghiệp		
	Học phần thay thế khóa luận		
66	Đầu tư tài chính bảo hiểm	ThS. Phạm Đỗ Dũng	Kinh tế
		TS. Lục Mạnh Hiến	Kinh tế
		ThS. Đỗ Thùy Dung	Kinh tế
		ThS. Mai Thị Dung	Kinh tế
		ThS. Mai Thị Hương	Kinh tế
		ThS. Trần Thị Thanh	Kinh tế
		ThS. Ngô Thị Liên	Kinh tế
		ThS. Trần Lệ Hằng	Kinh tế
67	Chính sách bảo hiểm y tế	TS. Hoàng Bích Hồng	Kinh tế bảo hiểm
		ThS. Phạm Đỗ Dũng	Kinh tế
		ThS. Phạm Hải Hưng	Kinh tế
		ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Kinh tế
		ThS. Trịnh Khánh Chi	Kinh tế
		ThS. Hoàng Minh Tuấn	Kinh tế bảo hiểm
		ThS. Lê Thị Xuân Hương	Kinh tế
		ThS. Vũ Thị Hồng Nết	Kinh tế
		ThS. Bùi Thị Thu Hà	Kinh tế
		ThS. Hà Thị Nhung	Kinh tế
		ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Thiết bị phục vụ học tập

Trường đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo (tại Hà Nội, tại Sơn Tây và tại Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng diện tích 10,6ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm để đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo đại học. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học.

Thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
I.	Phòng máy tính			
1	<i>Phòng máy tính E202.T2</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
1.1	Máy tính FPT	2015	41	
1.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
1.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
2	<i>Phòng máy tính E302.T3</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
2.1	Máy tính FPT	2015	41	
2.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
2.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
3	<i>Phòng máy tính E403</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
3.1	Máy tính CMS	2013	41	
3.2	Máy chiếu	2013	1	
3.3	Amplify + loa + mic	2013	1	
3.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
3.5	ổn áp lioa	2013	1	
4	<i>Phòng máy tính E404</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
4.1	Máy tính CMS	2013	41	
4.2	Máy chiếu	2013	1	
4.3	Amplify + loa + mic	2013	1	
4.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
4.5	ổn áp lioa	2013	1	
5	<i>Phòng máy tính E404.T4</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
5.1	Máy tính CMS	2013	41	
5.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
5.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
6	<i>Phòng máy tính E501</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
6.1	Máy tính CMS	2013	41	
6.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
6.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
7	<i>Phòng máy tính E502</i>			Tin học cơ bản; Tin học

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
7.1	Máy tính DNA	2006	16	chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
7.2	Máy tính FPT	2014	24	
7.3	Máy chiếu Hitachi	2014	1	
7.4	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
8	Phòng máy tính E503A			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
8.1	Máy tính DNA	2009	13	
8.2	Máy tính DNA	2010	10	
8.3	Máy tính DNA	2011	28	
8.4	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
8.5	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
9	Phòng máy tính E503B			
9.1	Máy tính DNA	2009	40	
9.2	Máy tính DNA	2006	1	
9.3	Máy chiếu Panasonic	2009	1	
9.4	Điều hòa Daikin	2003	1	Tiếng anh Cơ bản; Tiếng Anh chuyên ngành; Thực hành TOEIC, ...
II.	Phòng LAP			
1	Phòng LAP E401			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
2	Phòng LAP E402			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
III.	Thiết bị phòng học			Các học phần còn lại
1	Amplify + loa + mic	2014	7	
2	Amplify + loa + mic	2013	33	
3	Amplify + loa + mic	2010	5	
4	Amplify + loa + mic	2009	10	
5	Amplify + loa + mic	2008	1	
6	Amplify + loa + mic	2007	1	
7	Amplify + loa + mic	2005	3	
8	Amplify + loa + mic	2003	7	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
9	Máy tính giáo viên	2013	15	
10	Máy tính giáo viên	2009	2	
11	Máy tính giáo viên	2008	10	
12	Máy chiếu	2015	8	
13	Máy chiếu	2013	14	
14	Máy chiếu	2009	2	
15	Máy chiếu	2008	3	

11.2. Thư viện

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Danh sách giáo trình, sách sử dụng cho học tập và nghiên cứu:

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin P1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Q1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2012
		Tài liệu hướng dẫn ôn tập Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Phần I	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động xã hội	2012
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin P2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, (Dành cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh [Q1])	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị quốc gia	2013
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
5	Tiếng Anh cơ bản 1	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary.	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
6	Tiếng Anh cơ bản 2	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary.	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
7	Tin học cơ bản 1	Giáo trình Tin học cơ bản 1	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2012
8	Tin học cơ bản 2	Bài giảng Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2010
9	Toán cao cấp 1	Bài giảng Toán Cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2009
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2008
10	Toán cao cấp 2	Bài giảng Toán Cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2009
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2008
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Bài giảng Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Thu Hương	Lao động Xã hội	2009
		Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Trần Thị Thu Hương	Lao động Xã hội	2010
12	Pháp luật đại cương	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	ThS. Trần Thu Thủy và ThS. Đào Xuân Hội	Lao động Xã hội	2011
		Bộ câu hỏi và bài tập Pháp luật đại cương	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2009
13	Giáo dục thể chất				

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
14	Giáo dục quốc phòng				
15	Soạn thảo văn bản	Giáo trình Soạn thảo văn bản	ThS. Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
		Bộ văn bản mẫu và bài tập soạn thảo văn bản	ThS. Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục Việt Nam, Hà Nam.	2012
17	Lôgic học	Giáo trình Logic học đại cương, Q1	Nguyễn Như Hải	Giáo dục	2009
18	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQG HN	2010
		Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thúc	ĐHQG HN	2005
		Tâm lý học tập 1	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục	1989
		Cơ sở Tâm lý học ứng dụng	Đặng Phương Kiệt	ĐHQG HN	2001
		Tâm lý học đại cương	Lý Thị Hàm	Lao động Xã hội	2010
		Bài Tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	ĐHQG HN	
19	Kinh tế vi mô	Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vi mô	TS. Lương Xuân Dương và TS. Trần Văn Hòe	Lao động xã hội	2012
		Bài tập Kinh tế vi mô	TS. Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2010
20	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công (chủ biên)	NXB Lao động	2012
		Bài tập kinh tế vĩ mô	Lương Xuân Dương (chủ biên)	Lao động Xã hội	2012
21	Nguyên lý thống kê	Giáo trình nguyên lý thống kê	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động Xã hội	
22	Luật kinh tế	Đề cương chi tiết môn Luật kinh tế	Khoa Luật, Đại học Lao động – Xã hội		
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2010

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
23	Marketing căn bản	Marketing Căn bản	Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
		Marketing Căn bản	Phillip Kotler	Lao động Xã hội	2007
		Những nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler	NXB Thống kê	2000
24	Nguyên lý bảo hiểm	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình Quản trị	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
		Giáo trình lý thuyết bảo hiểm	Võ Thị Pha	Tài chính	2010
25	Luật lao động	Giáo trình Luật lao động	Khuất Thị Thu Hiền	Lao động Xã hội	2015
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật lao động	Khuất Thị Thu Hiền	Lao động Xã hội	2015
26	Nguyên lý tiền lương	Giáo trình Tiền lương Tiền công	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2011
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	PGS.TS Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bộ Bài tập Bài tập Tiền lương Tiền công	Đỗ Thị Tươi	Lao động xã hội	2009
27	Kinh tế đầu tư	Bài giảng kinh tế đầu tư	Ths Lục Mạnh Hiễn, Ths Hoàng Bích Hồng	Lao động xã hội	2011
		100 bài tập kinh tế đầu tư	PGS. TS Nguyễn Bạch Nguyệt	Đại học kinh tế quốc dân	2010
		Giáo trình Kinh tế đầu tư	PGS. TS Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương	Đại học kinh tế quốc dân	2010
		Giáo trình lập và quản lý dự án đầu tư	PGS. TS Nguyễn Bạch Nguyệt	Đại học kinh tế quốc dân	2010
28	Quản trị rủi ro	Bài giảng quản trị rủi ro do bộ môn biên soạn			
		Giáo trình quản trị rủi ro và bảo hiểm	PGS.TS.Nguyễn n Quang Thu	Thống kê	2008

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		trong doanh nghiệp			
		Giáo trình Quản trị rủi ro	TS.Ngô Quang Huân	Giáo dục	1998
		Giáo trình Nhập môn ASXH	Nguyễn Hải Hữu	Lao động xã hội	2012
		Định hướng phát triển ASXH giai đoạn 2011-2020	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội		
		Luật Bảo hiểm xã hội, 2006 và các văn bản bổ sung, sửa đổi Luật.	Quốc hội		
29	Nhập môn an sinh xã hội	Giáo trình Trợ giúp xã hội	Nguyễn Hải Hữu	Lao động xã hội	2016
		Giáo trình Ưu đãi xã hội	Đặng Thị Phương Lan, Phạm Hồng Trang	Lao động xã hội	2012
		Giáo trình Kinh tế lượng	GS-TS. Nguyễn Quang Dong và TS. Nguyễn Thị Minh	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
30	Kinh tế lượng	Tài liệu do giảng viên biên soạn.			
		Basic Econometrics-Fourth Edition, McGraw-Hill Inc	Damodar N. Gujarati		2004
		Giáo trình Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010
31	Nguyên lý kế toán 1	Bài tập Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010
		Phương pháp nghiên cứu xã hội học	Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh	Đại học quốc gia Hà Nội	2010
		Xã hội học	Phạm Tất Dong – Lê Ngọc Hùng	Đại học quốc gia Hà Nội	2007
32	Điều tra xã hội học	Nghiên cứu XHH	Chung Á – Nguyễn Đình Tấn	Chính trị quốc gia	2007
		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học và kỹ thuật Hà Nội	1999
		Một số vấn đề về điều	Vũ Văn Khiên	Đại học	2010

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		tra chọn mẫu		quốc gia Hà nội	
33	Kinh tế phát triển	Giáo trình Kinh tế phát triển.	TS. Lương Xuân Dương	Lao động xã hội	2011
		Bài tập Kinh tế phát triển	TS. Lương Xuân Dương	Lao động xã hội	2010
34	Quản trị học	Giáo trình Quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Tài chính	2011
		Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Kinh tế quốc dân	2012
35	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm I	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm – English for Insurance		Lao động xã hội	
		Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm – Workbook for Insurance		Lao động xã hội	
36	Tài chính bảo hiểm I	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyễn Văn Ngọc	Đại học kinh tế quốc dân	2012
		Giáo trình tài chính và tiền tệ	Lê Văn Tư	Thống kê	2010
37	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm II	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm – English for Insurance		Lao động xã hội	
		Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm – Workbook for Insurance		Lao động xã hội	
38	Tài chính bảo hiểm II	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyễn Văn Ngọc	Đại học kinh tế quốc dân	2012
		Giáo trình tài chính và tiền tệ	Lê Văn Tư	Thống kê	2010
39	Bảo hiểm phi nhân thọ I	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình bảo hiểm phi nhân thọ	Đoàn Minh Phụng	Tài chính	2010
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
40	Bảo hiểm phi nhân thọ II	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Giáo trình bảo hiểm phi nhân thọ	Đoàn Minh Phụng	Tài chính	2010
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
41	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình bảo hiểm phi nhân thọ	Đoàn Minh Phụng	Tài chính	2010
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
42	Quản trị kinh doanh bảo hiểm I	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình Quản trị kinh doanh Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
		Bài giảng Quản trị kinh doanh bảo hiểm,	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2010
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
43	Quản trị kinh doanh bảo hiểm II	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình Quản trị kinh doanh Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
		Bài giảng Quản trị kinh doanh bảo hiểm,	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2010
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
44	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
		Công ước 102, Công ước về Quy phạm tối thiểu về an toàn xã hội, 1952.			
		Bài giảng Bảo hiểm xã hội (phần 1)	TS Phạm Đỗ Nhật Tân	Lao động xã hội	2010
		Pháp luật Bảo hiểm xã hội của một số nước trên thế giới	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội	NXB Tư pháp	2005
		Cơ quan An sinh xã		Lao động	2010

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		hội, Bảo hiểm xã hội của các nước ASEAN và Thái Bình Dương, năm 2008		xã hội	
		Luật Bảo hiểm xã hội 2006, 2014			
45	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
46	Quản trị bảo hiểm xã hội I	Bài giảng Quản trị BHXH	TS Dương Xuân Triệu	Lao động xã hội	2009
		Luật BHXH 2014, số 58/2014/QH13			2014
		Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 9/9/2015	BHXH Việt Nam		
		Nghị định 05/2014/NĐ-CP	Chính phủ		
		Quyết định 01/QĐ-BHXH ngày 03/01/2014	BHXH Việt Nam		
		Nghị định 95/2013-NĐCP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH.	Chính phủ		
47	Quản trị bảo hiểm xã hội II	Bài giảng Quản trị BHXH	TS Dương Xuân Triệu	Lao động xã hội	
		Luật BHXH 2014, số 58/2014/QH13			
		Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 9/9/2015	BHXH Việt Nam		
		Nghị định 05/2014/NĐ-CP	Chính phủ		
		Quyết định 01/QĐ-BHXH ngày 03/01/2014	BHXH Việt Nam		
		Nghị định 95/2013-NĐCP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH.	Chính phủ		
48	Bảo hiểm hưu trí	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
		Bảo hiểm hưu trí	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
			Tiếp	xã hội	
		Bài tập lưu trí – tư tuất, lưu hành nội bộ	Khoa bảo hiểm trường Đại học Lao động – Xã hội		2015
49	Bảo hiểm thất nghiệp	Giáo trình bảo hiểm thất nghiệp	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2009
		Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
		Bài tập thất nghiệp, lưu hành nội bộ	Khoa bảo hiểm trường Đại học Lao động – Xã hội,		2015
50	Thực hành bảo hiểm xã hội	Bài giảng Thực hành Bảo hiểm xã hội, lưu hành nội bộ			
		Bài tập Thực hành Bảo hiểm xã hội, lưu hành nội bộ			
		Luật BHXH số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006			
		Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014			
		Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2008			
		Luật số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế			
		Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013			
51	Phân tích tài chính bảo hiểm	Giáo trình Phân tích tài chính Doanh nghiệp bảo hiểm	PGS.TS Hoàng Trần Hậu, Ths Võ Thị Pha	Tài chính	2010
		Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp	TS Lê Thị Xuân	Dân trí	2013
52	Bảo hiểm y tế	Bài giảng BHYT			
		Luật Bảo hiểm y tế			

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		2008			
		Luật 46/2014/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHYT			
		Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
		Các Nghị định, Thông tư có liên quan			
53	Tin học chuyên ngành I	Bài giảng Tin học Chuyên ngành Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2008
		Bài tập thực hành Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội trên máy	Ths Phạm Đức Trọng		2013
		Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.			
		Luật 58/2014/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHXH			
54	Thống kê bảo hiểm	Giáo trình Thống kê bảo hiểm	PGS.TS Bùi Huy Thảo- Th.s. Lê Thị Thu Trang	Lao động xã hội	2014
55	Tin học chuyên ngành II	Bài giảng Tin học Chuyên ngành Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2008
		Bài tập thực hành Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội trên máy	Ths Phạm Đức Trọng		2013
		Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.			
		Luật 58/2014/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHXH			
56	Quản lý thu	Chuyên đề quản lý thu BHXH ở Việt nam	Trường Đại học Lao động – Xã Hội	Lao động xã hội	2008
		Giáo trình bảo hiểm xã hội	Trường Đại học Lao động – Xã	Lao động xã hội	2010

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
			Hội		
		Giáo trình quản trị bảo hiểm	Trường Đại học Lao động – Xã Hội	Lao động xã hội	2010
57	Quản lý thu khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh	Chuyên đề chuyên sâu quản lý thu bảo hiểm xã hội ở Việt Nam	TS. Phạm Đỗ Nhật Tân	Lao động xã hội	2009
		Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 9/9/2015 quy định về quản lý thu BHXH, BHYT, quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT	BHXH Việt Nam		
		Luật BHXH 2014, số 58/2014/QH13 ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2014.			
		Nghị định 05/2014/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam.			
		Quyết định 01/QĐ-BHXH ngày 03/01/2014 của BHXH Việt Nam về việc ban hành quy định về hồ sơ và quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH.			
		Nghị định 95/2013-NĐCP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH			
		Giáo trình quản trị bảo hiểm	TS Dương Xuân Triệu, Nguyễn Văn Gia	Lao động xã hội	2009
		Luật doanh nghiệp 2006			
58	Quản lý chi	Bài giảng Chuyên đề Quản lý chi bảo hiểm xã hội, lưu hành nội bộ	Khoa bảo hiểm Trường Đại học Lao động – Xã hội		2012

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
59	Quản lý hồ sơ	Chuyên đề Quản lý hồ sơ, lưu hành nội bộ	Khoa bảo hiểm Trường Đại học Lao động – Xã hội		2012
60	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
		Sách chuyên khảo Bảo hiểm hưu trí	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2009
61	Giám định bảo hiểm y tế	Nghiệp vụ Giám định bảo hiểm y tế			
		Luật Bảo hiểm y tế 2008			
		Luật 46/2014/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHYT			
		Quyết định số 466/QĐ- BHXH ngày 19 tháng 04 năm 2011 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình giám định bảo hiểm y tế			
62	Giám định bồi thường	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình bảo hiểm phi nhân thọ	Đoàn Minh Phụng	Tài chính	2010
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
		Quản trị kinh doanh bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
63	Quản lý đại lý bảo hiểm	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình bảo hiểm phi nhân thọ	Đoàn Minh Phụng	Tài chính	2010
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
		Quản trị kinh doanh bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
64	Tái bảo hiểm	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
		Giáo trình bảo hiểm phi nhân thọ	Đoàn Minh Phụng	Tài chính	2010

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
		Quản trị kinh doanh bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2007
65	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	Giáo trình Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định	Lao động xã hội	2010
		Giáo trình Quản trị kinh doanh bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2009
		Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
66	Đầu tư tài chính bảo hiểm	Bài giảng kinh tế đầu tư	Ths Lục Mạnh Hiện, Ths Hoàng Bích Hồng (đồng chủ biên)	Lao động xã hội	2011
		Giáo trình Phân tích tài chính Doanh nghiệp bảo hiểm	PGS.TS Hoàng Trần Hậu, Ths Võ Thị Pha	Tài chính	2010
		Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp	TS Lê Thị Xuân	Dân trí	2013
67	Chính sách bảo hiểm y tế	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
		Luật BHXH 2006, 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.			
		Giáo trình Chính sách xã hội	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2011
		Giáo trình Chính sách Kinh tế- xã hội	PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà, PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Khoa học và kỹ thuật	2007

12. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Chương trình Bảo hiểm xã hội trình độ đại học, đối tượng tuyển sinh là học sinh đã học xong chương trình PTTH hoặc tương đương. Trong chương trình, các học phần đã được bố trí vào các kỳ theo mối quan hệ giữa các học phần và do vậy phải được thực hiện đúng theo các điều kiện tiên quyết.

12.2. Giờ quy đổi được tính như sau:

1 TC = 15 tiết giảng lý thuyết trên lớp;
= 30 tiết thực hành, thảo luận;

= 60 giờ thực tập tại cơ sở, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Để thực hiện 1 TC lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên cần 30 giờ chuẩn bị.

Để thực hiện 1 tín chỉ lý thuyết (trừ các học phần GDTC, GDQP-AN), cán bộ giảng dạy dành 2 tiết tiếp xúc và đánh giá tự học của sinh viên.

12.3. Mã các học phần được xây dựng theo quy định chung như sau: Các học phần được mã hoá bằng bộ mã với 09 kí tự ($X_1X_2X_3X_4X_5X_6X_7X_8X_9$). Trong đó:

- $X_1X_2X_3X_4$: Kí hiệu tên học phần. Tên mỗi học phần được viết tắt bằng 04 (bốn) kí tự là chữ cái in hoa tiếng Việt và chữ số (nếu cần)

VD: - MLN1: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1

- DSMT: Dân số và môi trường

- X_5X_6 : Kí hiệu tên đơn vị quản lý học phần.

TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
Khoa Kế toán	01
Khoa Quản lý nguồn nhân lực	02
Khoa Công tác Xã hội	03
Khoa Bảo hiểm	04
Khoa Quản trị Kinh doanh	05
Khoa Ngoại ngữ	06
Khoa Lý luận Chính trị	07
Khoa Sau đại học	08
Khoa Kỹ thuật chính hình	09
Khoa Luật	10
Bộ môn Toán	11
Khoa Công nghệ thông tin	12
Bộ môn Thống kê	13
Bộ môn GDTC-QP	14

- X_7 : Trình độ đào tạo:

1: Trình độ cao học

2: Trình độ đại học

3: Trình độ cao đẳng

4: Trình độ cao học và đại học

5: Trình độ đại học và cao đẳng

- X_8 : Số tín chỉ, cụ thể như sau:

1: 01 TC; 2: 02 TC; 3: 03 TC; 4: 04 TC.

- X₉: Loại học phần

L-Lý thuyết

T-Thực hành

H-Hỗn hợp (kết hợp lý thuyết với thực hành, thảo luận)

K-Khoá luận

VD: Mã học phần: MLN10753H có nghĩa là: Học phần Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 (MLN1); do khoa Lý luận chính trị quản lý (07); dùng cho trình độ đại học và cao đẳng (5); thời lượng 3 TC (3); Học phần này thuộc loại hỗn hợp (H).

12.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:

Ví dụ: 2 (12,36,60)

- Số thứ nhất (12): số tiết lý thuyết học trên lớp.

- Số thứ hai (36): số tiết thảo luận hoặc thí nghiệm hoặc thực hành

- Số thứ ba (60): số giờ chuẩn bị.

12.5. Giải thích mục “Điều kiện”:

(a): Học phần học trước

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” nhưng không nhất thiết phải có kết quả đạt.

(b): Học phần tiên quyết

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” và phải có kết quả đạt.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng